

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT VỐN XÃ HỘI CỦA PIERRE BOURDIEU VÀO PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ

LÊ THU HÀ *

Vào đầu những năm 1980, cùng với James Coleman¹ và Robert Putnam², Pierre Bourdieu - nhà triết học, nhà xã hội học người Pháp - là người có công lớn xây dựng và phát triển khái niệm “Vốn xã hội” theo cách hiểu là tổng hợp các nguồn lực từ một mạng lưới liên kết xã hội. Xuất phát điểm, Bourdieu sử dụng khái niệm “vốn” (Capital) của lĩnh vực kinh tế vào phân tích quá trình lưu thông các loại tài sản phi vật chất trong không gian xã hội... Ở góc độ tiếp cận khác, không gian xã hội bên ngoài nhà nước, thị trường và gia đình còn được biết đến với tên gọi Xã hội dân sự (XHDS). Như vậy, việc nghiên cứu xã hội dân sự từ cách tiếp cận Vốn xã hội của Bourdieu là hoàn toàn khả thi. Bài viết này là thử nghiệm của tác giả nhằm tìm hiểu vai trò cung cấp Vốn xã hội cho người dân của XHDS thông qua việc xác định các chỉ báo.

1. Lý thuyết vốn xã hội của của Pierre Bourdieu

Bourdieu định nghĩa vốn xã hội là một “mạng lưới lâu bền bao gồm các mối liên hệ quen biết nhau và nhận ra nhau, (những mối liên hệ này) ít nhiều đã được định chế hóa”. Ông cho rằng “khối lượng vốn xã hội của một tác nhân cụ thể nào đó phụ thuộc vào mức độ liên hệ rộng hay hẹp mà anh ta có thể huy động được trong thực tế, và vào khối lượng vốn của từng người mà anh ta có liên hệ... Những mối quan hệ này có thể chỉ tồn tại trong trạng thái thực tế, trong các trao đổi mang tính vật chất và/ hoặc mang tính biểu tượng để giúp duy trì chúng. Những mối quan hệ này cũng có thể được thiết chế hóa và đảm bảo bởi việc áp dụng dưới một tên gọi chung (như tên của một gia đình, một giai cấp, hoặc một bộ tộc hoặc của một trường học, một đảng phái v.v..)³.”

Bourdieu (1986) phân biệt ba loại vốn: kinh tế, văn hoá, và xã hội. Ông cho rằng khái niệm **vốn kinh tế** trong kinh tế học hiện nay là quá hạn hẹp, chỉ được xem như một cái gì có thể đổi ngay thành tiền, hoặc thể chế hoá thành quyền sở hữu. Về **vốn văn hoá**, Bourdieu hiểu như một vị trí xã hội đạt được (không phân biệt cấp bậc cao thấp). Ông cho rằng người có "vốn văn hoá" là người xuất thân từ một "giai cấp văn hoá" tương đối cao trong xã hội, không nhất thiết là người nhiều học vấn.

* ThS, Giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

¹ Nhà xã hội học người Mỹ.

² Nhà chính trị học người Mỹ.

³ Bourdieu, Pierre. 1986, The forms of capital. In J. Richardson (Ed.) Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education (New York, Greenwood), 241-258.

Vốn xã hội là tổng hợp các nguồn tài nguyên thực tế hoặc tiềm năng có liên quan đến việc sở hữu một mạng lưới bền vững của mối quan hệ, ít nhiều đã được thể chế hoá thông qua sự quen biết và công nhận lẫn nhau. Nói cách khác, thành viên trong một nhóm cung cấp cho mỗi thành viên của mình sự ủng hộ của yếu tố vốn thuộc sở hữu tập thể, một "ùy nhiệm" tín dụng⁴.

Như vậy, **vốn xã hội**, trong hệ tư tưởng Bourdieu, là toàn bộ nguồn lực (thực tế hoặc tiềm ẩn) xuất phát từ mạng lưới quen biết trực tiếp hoặc gián tiếp (chẳng hạn thành viên của cùng một tôn giáo, hoặc cùng sinh quán, hay đồng môn). Trong đa số trường hợp, mạng lưới này đã có từ lâu và đã được thể chế hoá phần nào. Nhờ nó, những cá nhân, gia đình, hay tập thể nào có nhiều móc nối thì càng lắm ưu thế. Nói cách khác, mạng lưới này có giá trị sử dụng: nó là một loại "vốn"⁵.

Lợi ích tích lũy từ tinh thần hội viên trong một nhóm chính là cơ sở của sự đoàn kết. Điều này không có nghĩa rằng họ có ý thức theo đuổi như vậy, ngay cả trong trường hợp họ chủ động lựa chọn các hội, các câu lạc bộ. Họ cố tình tổ chức lại để tập trung nguồn vốn xã hội và do đó, thu được đầy đủ lợi ích từ ảnh hưởng theo cấp số nhân. Bên cạnh đó còn để đảm bảo lợi ích của các thành viên - chẳng hạn như lợi ích vật chất phát sinh từ các mối quan hệ hữu ích, và lợi ích mang tính biểu tượng (chẳng hạn như liên kết với một nhóm có uy tín).

Bourdieu viết: "vốn xã hội là một thuộc tính của mỗi cá nhân trong bối cảnh xã hội. Bất cứ ai cũng có thể thu nhập một số vốn xã hội nếu người đó nỗ lực và chú tâm làm việc ấy, và hơn nữa bất cứ ai cũng có thể dùng vốn xã hội để đem lại những lợi ích kinh tế thông thường. Song, khả năng thực hiện điều ấy tùy thuộc vào những trách nhiệm xã hội (social obligation) kết nối (connection) và mạng lưới xã hội của người ấy".

Bourdieu khẳng định rằng xã hội là một đấu trường tranh giành thế vị (status). Kẻ thắng là người dồi dào vốn kinh tế, vốn xã hội, và vốn văn hóa. Theo ông, rất nhiều người không tiến thân được chính vì thiếu vốn xã hội. Như vậy, Bourdieu có ý cho rằng vốn xã hội không phải là tích cực cho tất cả mọi người: giá trị vốn xã hội của mỗi người tùy thuộc vào mức độ chênh lệch giữa vốn đó của họ và của người khác.

Trong thuyết của Bourdieu, con người là sản phẩm của lịch sử, của giai cấp. Tuy mạng lưới quan hệ cá nhân, có người được lợi thế, có người không. Mạng lưới đó (mà giá trị là vốn xã hội trong ngôn ngữ Bourdieu) không tuyệt đối cứng nhắc, ràng buộc, song những người thiếu nó cần cố gắng vượt qua để có những loại vốn khác. Nên để ý rằng,

⁴ Bourdieu, Pierre (1986), *Sdd.*

⁵ Trần Hữu Dũng. 2006. Vốn xã hội trong phát triển, *Hội thảo khoa học Tạp chí Tia Sáng*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội, ngày 24/6/2006.

theo Bourdieu, cá nhân có thể nỗ lực tích lũy vốn kinh tế và vốn văn hoá, song không ai có thể tự mình gây dựng vốn xã hội. Chính những trở ngại mà người thiếu vốn xã hội khó khắc phục là lý do khiến chênh lệch trong xã hội luôn tồn tại.

2. Áp dụng lý thuyết vốn xã hội của Bourdieu vào nghiên cứu XHDS

Thực tế cho thấy, nghiên cứu Vốn xã hội thông qua các tổ chức XHDS cũng đã được một số học giả đề cập. Robert Putnam cho rằng sự khác biệt Vốn xã hội về năng lực tổ chức được quyết định bởi số lượng thành viên của các tổ chức tình nguyện. Hay J.Brehm và W.Rahn xây dựng một mô hình cấu trúc của Vốn xã hội bao gồm sự tương tác giữa 3 khái niệm cam kết dân sự, tin tưởng lẫn nhau và sự tin cậy chính quyền⁶. Một cách khác, các chỉ báo của vốn dân sự được xác định bao gồm: lòng tin giữa công dân với công dân, sự chi sẻ những giá trị chung về tình đoàn kết, việc thực hiện bổn phận đối với nhau, sự thúc đẩy việc điều phối và hợp tác lẫn nhau⁷.

Với quan điểm của Bourdieu, khi áp dụng vào một không gian giao tiếp, liên kết các cá nhân, tạo điều kiện tích lũy các kỹ năng và phát triển các nguồn lực, XHDS thực sự trở thành một nguồn Vốn xã hội quan trọng.

Thực vậy, XHDS là một tập hợp rộng lớn các tổ chức, hiệp hội đã xuất hiện từ lâu trong các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. XHDS được nhìn nhận như một lực lượng, một thành phần xã hội hiện hữu ở hầu hết các quốc gia. Sự tồn tại của các CSO được các nhà nước thừa nhận và thể chế hóa thông qua các văn bản pháp quy về tổ chức, hoạt động của hội, hiệp hội, liên đoàn, liên hiệp, các tổ chức xã hội v.v.. Với một hệ thống mạng lưới liên kết từ cấp quốc tế, khu vực đến cấp quốc gia và địa phương; với hệ thống cơ sở vật chất, nguồn nhân lực dồi dào; với phạm vi hoạt động công việc tham gia trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, XHDS thực sự tạo ra những nguồn lực, những “nguồn tài nguyên” giá trị, vô cùng to lớn đóng góp cho sự phát triển của bất kỳ nền kinh tế - văn hóa - xã hội nào.

Việc các CSO liên kết, phối hợp hoạt động, tạo ra mạng lưới CSO nhằm theo đuổi các mục tiêu đã góp phần tạo nên một tầm ảnh hưởng lớn, một sức mạnh cả về vật chất lẫn tinh thần, có tầm ảnh hưởng và lan tỏa rộng, tác động sâu sắc đến các chính sách kinh tế, chính trị và xã hội của các quốc gia, khu vực. Mạng lưới CSO cũng là cơ sở quan trọng thúc đẩy đoàn kết xã hội theo hướng tự giác, tự nguyện, chứ không phải mối quan hệ đồng nghiệp, ràng buộc trách nhiệm công việc trong bộ máy nhà nước hay cái gọi là “chữ tín” trong quan hệ hàng hóa của kinh tế thị trường. Do vậy, sức mạnh của dạng đoàn

⁶ Đinh Thị Thơm, Về đo lường Vốn xã hội, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 7, 2009.

⁷ Đinh Công Hoàng. 2009. Xây dựng XHDS ở Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm Châu Âu, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 8.

kết tự nguyện trong nội bộ CSO và cộng đồng XHDS là rất lớn, tạo ra nhiều giá trị thiết thực.

Đặc biệt, trong nền kinh tế tri thức ngày nay, khi nguồn vốn xã hội và vốn con người được coi là hai nguồn vốn quan trọng nhất trong phát triển của các quốc gia, vai trò của các CSO càng được đề cao khi chúng là nơi tích lũy, chia sẻ và truyền bá những tri thức kỹ năng của các cộng đồng, các nhóm, là những nhân tố tạo nên những giá trị gia tăng lớn nhất và tạo ra khả năng cạnh tranh của các quốc gia trên trường quốc tế.

Ta có thể khái quát khái niệm vốn xã hội trong nghiên cứu vai trò của XHDS thành 03 chỉ báo sau:

- (1) Khả năng thu hút, kết nối các cá nhân, nhóm, cộng đồng.
- (2) Quy mô và nguồn lực của mạng lưới liên kết.
- (3) Những lợi ích (cụ thể hoặc tiềm năng) do mạng lưới liên kết đó tạo ra.

Đối với chỉ báo thứ nhất, **khả năng kết nối các cá nhân, nhóm, cộng đồng**: Sự ra đời của XHDS được nhìn nhận không chỉ xuất phát từ việc hình thành các tổ chức cộng đồng nhằm cân bằng các lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị trong xã hội, mà đôi khi, chỉ đơn giản là đáp ứng những nhu cầu sở thích của từng cá nhân. Nhu cầu liên kết phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm được thỏa mãn ý nguyện, sở thích chính là một nhu cầu cơ bản của con người. Nói một cách đơn giản, ngoài các mối quan hệ đồng nghiệp hay quan hệ giao thương của “cái tôi sân khấu”, người ta luôn phải tự cân bằng tìm đến những mối quan hệ để được thể hiện “cái tôi hậu trường”. Với lý do như vậy, số lượng các tổ chức cộng đồng, các hội nghề nghiệp, các nhóm sở thích, các nhóm tín ngưỡng, các nhóm phi chính thức..., cũng như số lượng các thành viên trong nhóm ngày càng tăng với sự đa dạng các thành phần xã hội. Hoạt động và đóng góp của các cá nhân, do vậy, cũng luôn mang tính tự giác, chủ động và tích cực. Các mối liên kết tự nguyện này thường có độ bền vững khá cao.

Đối với chỉ báo thứ hai, **quy mô và nguồn lực của mạng lưới liên kết**: Thực tế hiện nay, XHDS đã trở thành một lực lượng xã hội không thể thiếu ở mỗi quốc gia, khu vực và tầm thế giới. Bất cứ quốc gia nào cũng hình thành mạng lưới các tổ chức lấy mục tiêu xã hội (phi chính trị và phi lợi nhuận) làm mục đích hoạt động chính. Số lượng các tổ chức xã hội ngày càng tăng với nguồn tài trợ của các quỹ tài chính; của các tổ chức phi chính phủ quốc tế; từ nguồn kêu gọi, vận động trong nước; hay từ nguồn tự đóng góp của các hội viên. Mạng lưới các tổ chức này thường tham gia vào các mảng vấn đề như: cung cấp thông tin kiến thức về một lĩnh vực nào đó; bảo vệ quyền lợi cho các nhóm nghề nghiệp; hỗ trợ các nhóm thiệt thòi; phát động các phong trào tình nguyện, các hành động tập thể nhằm kêu gọi tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng v.v.. Ở cấp khu vực, mạng

lưới các tổ chức CSO được xây dựng nhằm tạo ra sự ủng hộ của khu vực đối với mỗi tổ chức thành viên, tạo ra tiếng nói chung của khu vực, hay tương trợ, ủng hộ nhau trong các mục tiêu phát triển hay trong giải quyết các tranh chấp mang tính khu vực và quốc tế. Ở cấp độ thế giới, mạng lưới các CSO, mà lớn nhất là Liên hợp quốc với các tổ chức thành viên như UNDP, UNICEF, WTO, WHO, FAO v.v., được đặt ra nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, môi trường, phòng chống đại dịch hay giải quyết các tranh chấp thương mại, các xung đột chính trị, xung đột vũ trang v.v..

Đối với chỉ báo thứ ba, ***những lợi ích (cụ thể hoặc tiềm năng) do mạng lưới liên kết đó tạo ra***: Chỉ báo này dễ dàng được thể hiện qua các số liệu báo cáo, các kết quả công việc trong nhiều lĩnh vực như giáo dục – đào tạo, chăm sóc y tế sức khỏe, môi trường, xóa đói giảm nghèo, phòng chống bất bình đẳng giới v.v.. Các lĩnh vực này vốn là những nhiệm vụ công tác của các cơ quan nhà nước nhưng do nguồn lực còn hạn chế của các cơ quan công quyền nên hiệu quả còn thấp. Do vậy, cùng với chủ trương xã hội hóa đa ngành, đa lĩnh vực của nhà nước, các CSO đã chủ động tham gia và đóng góp ngày càng tích cực trong các phong trào, hoạt động cụ thể, đem lại nhiều giá trị tích cực, góp phần nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng sống cho người dân, đặc biệt ở các khu vực khó khăn như vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

*

Tóm lại, với 3 chỉ báo trên, sử dụng tiếp cận về vốn xã hội của P.Bourdieu, các nhà nghiên cứu có thể làm rõ việc huy động mạng lưới các tổ chức xã hội, cùng các nguồn lực do các CSO mang lại trong việc thực hiện các mục tiêu, chương trình, hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ở cấp độ vi mô, tiếp cận vốn xã hội của Bourdieu chỉ ra cho các nhà nghiên cứu phải xem xét hoạt động nội tại của các CSO trong việc kết nối, thu hút người dân tham gia vào các tổ chức, các đoàn thể, hội ngành trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; cũng như tác dụng và hiệu quả của sự tham gia đó đối với đời sống gia đình nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Ở phạm vi xã hội, tiếp cận vốn xã hội cho ta cách tìm hiểu về thành phần, cấu trúc, cũng như chức năng, vai trò của các mạng lướiXHDS đối với các mục tiêu phát triển xã hội./.

Tài liệu trích dẫn

- Bourdieu, Pierre .1986. The forms of capital. In J. Richardson (Ed.) Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education (New York, Greenwood), 241-258.
- Đinh Thị Thơm. 2009. Về đo lường Vốn xã hội, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 7, 2009.
- Đinh Công Hoàng. 2009. Xây dựng XHDS ở Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm Châu Âu,

Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, số 8.

Trần Hữu Dũng. 2006. Vốn xã hội trong phát triển, *Hội thảo khoa học Tạp chí Tia Sáng*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội, ngày 24/6/2006.